

NGHỊ QUYẾT
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng
Lần 01 năm 2026

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 03 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1.

3.1 Thông nhất với Báo cáo của Ban điều hành về kết quả Công ty đạt được trong năm 2025.

3.2 Thông nhất bổ sung dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường đối với đồng hồ đo nước lạnh cơ khí và đồng hồ đo nước lạnh có cơ cấu điện tử, đường kính từ 15mm đến 100mm; để dịch vụ có hiệu quả và phát triển bền vững Ban điều hành cần có định hướng phát triển dài hạn, tổ chức đánh giá thực trạng và nhu cầu khách hàng; xây dựng năng lực kỹ thuật, trang thiết bị, xây dựng thương hiệu, tiếp cận và ký kết với các công ty cấp nước trong và ngoài tỉnh có nhu cầu; cần có giải pháp tài chính (lập kế hoạch đầu tư - hoàn vốn) và quản trị rủi ro (phải dự phòng rủi ro kỹ thuật, rủi ro nhân lực..), thực hiện xây dựng chính sách giảm giá thử nghiệm ban đầu...

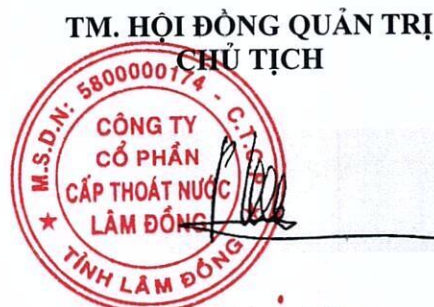
3.3 Thông nhất với kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026; giao cho Ban điều hành, Thư ký công ty triển khai các bước pháp lý - nghiệp vụ theo đúng trình tự để tránh sai sót cần bám vào góp ý của các cổ đông như cổ đông SCIC tại văn bản số 2453/ĐTKDV-CNMT; tập trung xây dựng phương hướng hoạt động cho năm 2026 lưu ý kế hoạch hoạt động nhất là kế hoạch đầu tư cần sát với thực tế và khả thi.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Thư ký công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức thực hiện theo chủ trương của Hội đồng quản trị đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CBTT;
- Lưu: VT, PTQT - TK Cty.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ
THÁNG 12 NĂM 2025
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TOÀN CÔNG TY

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện			Lũy kế 2025	Lũy kế cùng kỳ 2024	Tỷ lệ % T12/2025 so với T11/2025	Tỷ lệ % lũy kế TH so với KH 2025	Tỷ lệ % lũy kế thực hiện so với cùng kỳ 2024	Ghi chú
			Kế hoạch năm	Tháng 11	Tháng 12						
I/- NƯỚC SẠCH											
1	Sản lượng nước sạch	m3	27 093 250	2 050 812	1 999 006	26 379 089	26 690 921	97,47	97,36	98,83	
	-Nước Công ty sản xuất	m3	14 683 250	1 260 734	1 266 778	16 612 852	16 329 138	100,48	113,14	101,74	
	-Nước mua ngoài Sài Gòn - Đan Kĩa	m3	10 950 000	790 078	732 228	9 766 237	10 361 783	92,68	89,19	94,25	
	-Nước mua ngoài Tuyền Lâm	m3	1 460 000	-	-	-	-	-	-	-	
2	Nước tiêu thụ	m3	22 487 331	1 786 556	1 679 703	21 894 724	21 901 855	94,02	97,36	99,97	
	-Nước Ghi thu			1 785 186	1 677 908	21 884 890	21 906 517	93,99	-	99,90	
	-Truy thu	m3		1 370	1 795	9 834	2 781	131,02	-	353,61	
	- Hoàn trả phụ bản	m3				-	(7 443)	-	-	-	
	-Điều chỉnh tăng giảm	m3				-	-	-	-	-	
3	Tỷ lệ thất thoát	%	17,00	12,89	15,97	17,00	17,94	123,96	100,00	94,74	
4	Nước thất thoát	m3		264 256	319 303	4 484 365	4 789 066	120,83	-	93,64	
	- Do bể vỡ	m3		3 921	3 834	44 301	43 633	97,78	-	101,53	
	- Vi phạm quy chế	m3			-	-	-	-	-	-	
	- Khác	m3		260 335	315 469	4 440 064	4 745 433	121,18	-	93,56	
	- Súc rửa đường ống	m3		-	-	-	-	-	-	-	
5	Số lượng đầu nối hiện có	đầu nối	101 149	101 468	101 754	101 754	98 049	100,28	100,60	103,78	
	- Phát triển mới	đầu nối	3 100	239	286	3 705	3 727	119,67	119,52	99,41	
	- Mờ nước	đầu nối	-	11	19	159	217	172,73	-	73,27	
	- Ngưng nước	đầu nối	-	11	76	406	437	690,91	-	92,91	
	- Không sử dụng	đầu nối	-	28 884	20 424	20 424	18 779	70,71	-	108,76	
6	Doanh thu hoạt động sản xuất nước (chưa thuế)	tr. đồng	299 202	23 268	21 621	288 984	291 335	92,92	96,59	99,19	



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện			Lũy kế 2025	Lũy kế cùng kỳ 2024	Tỷ lệ % T12/2025 so với T11/2025	Tỷ lệ % lũy kế TH so với KH 2025	Tỷ lệ % lũy kế thực hiện so với cùng kỳ 2024	Ghi chú
			Kế hoạch năm	Tháng 11	Tháng 12						
6.1	Doanh thu nước Ghi thu	tr. đồng		23 241	21 586	288 793	291 537	92,88	-	99,06	
	Mức 1: 8.757đ	tr. đồng		5 918	5 836	70 890	69 132	98,62	-	102,54	
	Mức 2: 12.495đ	tr. đồng		2 821	2 656	34 380	34 416	94,14	-	99,90	
	Mức 3: 14.016đ	tr. đồng		1 120	1 005	13 827	14 101	89,72	-	98,06	
	Mức 4: 15.017đ	tr. đồng		1 751	1 711	20 397	20 130	97,75	-	101,32	
	CQHC, ĐVSN: 14.577đ.	tr. đồng		1 431	1 229	18 302	19 585	85,94	-	93,45	
	Hoạt động sản xuất vật chất : 18.021đ.	tr. đồng		1 274	1 183	15 945	15 703	92,87	-	101,54	
	Hoạt động kinh doanh, dv: 20.984đ.	tr. đồng		9 077	7 965	115 480	118 525	87,75	-	97,43	
	Điều chỉnh giảm DT trong kỳ (P. kế toán)	tr. Đồng		(150)		(427)	(55,7)	-	-	-	
	Giảm trừ Covid	tr. Đồng				-	-	-	-	-	
6.2	Truy thu toàn Công ty	tr. Đồng		27	35	192	53	131,12	-	361,74	
6.3	Hoàn trả phụ bản	tr. Đồng				-	(255)	-	-	-	
8	Giá thành tiêu thụ	đồng					-	-	-	-	
9	Giá bán bình quân	đồng	13 305	13 024	12 872	13 199	13 302	-	99,20	99,23	
II/- XỬ LÝ NƯỚC THẢI						-	-	-	-	-	
1	Doanh thu	tr. đồng	19 831	1 583	1 423	20 261	20 747	89,89	102,17	97,66	
2	Chi phí	tr. đồng		1 427	1 497	19 707	19 309	104,91	-	102,06	
3	Lợi nhuận	tr. đồng		156	(74)	554	1 762	- 47,44	-	31,44	
4	Lợi nhuận khác	tr. đồng	-	-		-	-	-	-	-	
III/- THI CÔNG XÂY LẬP				-	-	-	-	-	-	-	
1	Công trình XD CB			-	-	-	-	-	-	-	
	- Số lượng công trình	Ctr		35	72	373	250	205,71	-	149,20	
	- Giá trị	tr. đồng		1 048	6 570	25 721	33 438	626,85	-	76,92	
2	Ổng nhánh	tr. đồng		1 014	1 194	14 508	11 610	117,74	-	124,96	
2.1	- Số lượng chiết tính Phát triển khách hàng theo Nghị định 117-CP	CT		160	205	2 735	2 360	128,13	-	115,89	
	- Giá trị	tr. đồng		208	279,959700	3 639	3 135	134,85	-	116,08	

STT	Chỉ tiêu	DVT	Thực hiện			Lũy kế 2025	Lũy kế cùng kỳ 2024	Tỷ lệ % T12/2025 so với T11/2025	Tỷ lệ % lũy kế TH so với KH 2025	Tỷ lệ % lũy kế thực hiện so với cùng kỳ 2024	Ghi chú
			Kế hoạch năm	Tháng 11	Tháng 12						
2.2	- Số lượng chiết tính Phát triển khách hàng theo thỏa thuận với Khách hàng	CT		270	320	4 126	3 381	118,52	-	122,03	
	- Giá trị	tr. đồng		712	711	9 355	6 960	99,78	-	134,41	
2.3	- Số lượng chiết tính sửa chữa hệ thống	CT		143	272	2 051	1 756	190,21	-	116,80	
	- Giá trị	tr. đồng		94	203	1 514	1 515	215,88	-	99,94	
3	Sửa chữa ống bể	vụ				-	712	-	-	-	
IV/- KIỂM TRA QUY CHẾ											
1	Biên bản lập theo định kỳ			-		-	-	-	-	-	
	- Số lượng	cái		418	523	15 697	13 445	125,12	-	116,75	
	- Giá trị truy thu	tr. đồng		0,0		1,3	2,7	-	-	-	
2	Biên bản lập theo yêu cầu			-		-	-	-	-	-	
	- Số lượng	cái		80	83	4 191	4 449	103,75	-	94,20	
	- Giá trị truy thu	tr. đồng		0,025	0,368	4,7	2	1 473,60	-	-	
3	Biên bản giải quyết khác					-	-	-	-	-	
	- Số lượng	cái		29	15	282	308	51,72	-	91,56	
	- Giá trị truy thu	tr. đồng				-	-	-	-	-	

Đà Lạt, ngày 06 tháng 01 năm 2026

DUYỆT

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

PHÒNG KẾ HOẠCH KINH DOANH



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hùng Cường

Bùi Hoàng Trường Vĩ

Trần Hoàng



KẾ HOẠCH TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026

Mốc thời gian	Công việc	Nội dung chi tiết	Đơn vị phụ trách	Ghi chú
Từ T-60 đến T-50	Họp HĐQT	HĐQT thống nhất chủ trương, dự kiến thời gian ĐHĐCĐ; chốt ngày đăng ký cuối cùng; thông qua kế hoạch ĐHĐCĐ	HĐQT	
Từ T-60 đến T-35		Rà soát Điều lệ, quy chế quản trị; xây dựng báo cáo HĐQT, BKS, Ban điều hành hoàn thiện các báo cáo SXKD năm 2025 và xây dựng kế hoạch thực hiện năm 2026	HĐQT/BKS/BĐH	
Từ T-40 đến T-30	BCTC kiểm toán 2025	Hoàn tất BCTC năm 2025 đã kiểm toán	BĐH	tuần cuối tháng 2/2026 đến đầu tháng 3/2026
T-35	Soạn tờ trình	Kế hoạch SXKD, cổ tức, đầu tư, giá nước (nếu có)	BKS/BĐH/Thư ký Cty	
T-30	Họp HĐQT	Xem xét HSTL	Thư ký Người CBTT	
Từ T-30 đến T-27		Điều chỉnh HSTL theo góp ý của HĐQT	BTC	
T-25	Công bố tài liệu và gọi Thông báo mời họp	Đăng tải tài liệu ĐHĐCĐ trên website	BTC	
T-2	Hậu cần	Chuẩn bị hội trường, nhân sự, kỹ thuật	Văn phòng	
T	ĐHĐCĐ	Tiến hành đại hội, biểu quyết, thông qua nghị quyết	HĐQT/BTC	
T+1	Hoàn thiện hồ sơ	Hoàn thiện biên bản, nghị quyết	Thư ký	
	Công bố thông tin	CBTT nghị quyết ĐHĐCĐ	Người CBTT	Trong 24h

Từ viết tắt:

T: ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 (dự kiến trong khoảng từ: 20/4/2026 đến 25/4/2026)

T-60: 60 ngày trước ngày Đại hội